

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2014  
của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng  
đối với tín dụng chính sách xã hội**

-----

**MỞ ĐẦU**

Lâm Đồng là tỉnh miền núi thuộc Nam Tây nguyên với diện tích tự nhiên 9.773 km<sup>2</sup>; có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 10 huyện và 02 thành phố); có 142 đơn vị hành chính cấp xã và 1.376 thôn, tổ dân phố; trong đó, có 02 xã, 72 thôn đặc biệt khó khăn. Đến cuối năm 2023, dân số toàn tỉnh 1.386.000 người, với 47 dân tộc sinh sống; trong đó, dân tộc thiểu số gần 353.000 người, chiếm khoảng 25,5% dân số toàn tỉnh. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đến nay toàn tỉnh đã có 109/111 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; 41 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 05 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (gồm: huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Đa Tẻh, Cát Tiên, Lâm Hà) và 02 thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm trên 7%. Cơ cấu kinh tế đến cuối năm 2023: Khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm 37,87%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 18,68%, khu vực dịch vụ chiếm 38,42%. Theo chuẩn hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, số hộ nghèo toàn tỉnh đến cuối năm 2023 là 3.912 hộ, chiếm tỷ lệ 1,09% (trong đó, hộ nghèo người dân tộc thiểu số 2.642 hộ, chiếm tỷ lệ 3,24%); số hộ cận nghèo là 7.433 hộ, chiếm tỷ lệ 2,07% (trong đó, hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số là 4.483 hộ, chiếm tỷ lệ 5,51%).

Xác định được ý nghĩa, tầm quan trọng của nguồn vốn tín dụng chính sách trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi để tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội (gọi tắt là *Chỉ thị số 40-CT/TW*) và Kết luận số 06-KL/TW, ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW (gọi tắt là *Kết luận số 06-KL/TW*) trên địa bàn tỉnh nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội góp phần quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua.

**Phần thứ nhất****TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 40-CT/TW**

**I. Tình hình nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW.**

***1.1. Ở cấp tỉnh***

Xác định tầm quan trọng của tín dụng chính sách trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn tỉnh ngày 12/02/2015 để triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW với thành phần tham gia của lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, Ban đại diện Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các huyện, thành phố. Sau Hội nghị, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo số 46/TB-UBND, ngày 27/02/2015 chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW.

Nhằm cụ thể hóa Kết luận số 06-KL/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 610-CV/TU, ngày 08/7/2021 chỉ đạo tiếp tục quán triệt thống nhất nhận thức, cách làm, kinh nghiệm để triển khai đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp theo Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 5789/UBND-TH3, ngày 13/8/2021 triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW; trong đó, chỉ đạo các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục quán triệt sâu rộng nội dung Chỉ thị 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tín dụng chính sách xã hội.

***1.2. Ở cấp huyện, cấp xã***

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đã tổ chức quán triệt nội dung Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của tín dụng chính sách xã hội, góp phần thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác thông qua bản tin nội bộ và công tác sinh hoạt định kỳ của các tổ chức tại cơ sở. Đồng thời, Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh và Truyền hình Lâm Đồng phối hợp tốt với chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác tuyên truyền về vai trò, mục tiêu của tín dụng chính

sách xã hội; quyền lợi và trách nhiệm của các đối tượng chính sách có liên quan trong thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi; phổ biến các mô hình vay vốn làm ăn hiệu quả, vươn lên thoát nghèo từ việc vay vốn từ nguồn vốn tín dụng chính sách.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổ chức quán triệt Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW đến toàn thể cán bộ, đảng viên toàn chi nhánh; kết hợp tuyên truyền Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW với tập huấn nghiệp vụ cho Ban Giảm nghèo cấp xã, Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn, Trưởng thôn trong toàn tỉnh với mục tiêu đưa nguồn vốn tín dụng chính sách đến được các đối tượng chính sách và yếu thế trong xã hội.

## **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và ban hành kế hoạch, chương trình hành động triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW**

### **2.1. Ở cấp tỉnh**

Ngay sau khi Chỉ thị số 40-CT/TW ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 4777-CV/TU, ngày 23/01/2015 chỉ đạo triển khai thực hiện; trong đó, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp cần tập trung thực hiện việc quán triệt sâu rộng nội dung Chỉ thị số 40-CT/TW và xác định nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo đối với tín dụng chính sách là một trong những nhiệm vụ trong chương trình và kế hoạch hoạt động thường xuyên của các cấp ủy, các ngành, địa phương; đồng thời, hàng năm dành một phần nguồn vốn từ ngân sách để bổ sung nguồn vốn để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 401/QĐ-TTg, ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản số 4777-CV/TU, ngày 23/01/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch số 2470/KH-UBND, ngày 11/5/2016 triển khai thực hiện với mục tiêu thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 40-CT/TW, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về vị trí, vai trò quan trọng và ý nghĩa nhân văn của chương trình tín dụng chính sách xã hội; qua đó, nâng cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương các tổ chức chính trị - xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc triển khai thực hiện đúng mục đích, hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách.

Sau Hội nghị sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Thông báo số 957-TB/TU, ngày 22/8/2019 chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị 40-CT/TW; đồng thời, quán triệt, thống nhất nhận thức, cách làm, bài học kinh nghiệm để triển khai đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp theo Chỉ thị 40-CT/TW và tình hình thực tế của địa phương.

Thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg, ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 190/KH-UBND, ngày 11/01/2022 chỉ đạo triển khai thực hiện với mục đích tăng cường sự chỉ đạo của các cấp chính quyền địa phương trong việc xây dựng cơ chế chính sách và bố trí nguồn

lực cho tín dụng chính sách xã hội, tạo điều kiện cho Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách; đồng thời, yêu cầu triển khai thực hiện nghiêm túc tại các cấp từ tỉnh đến cơ sở; hiệu quả của chương trình phải được thể hiện trong kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; phát huy được vai trò và sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị trong công tác tín dụng chính sách xã hội, giúp đỡ, khuyến khích các đối tượng chính sách xã hội vươn lên thoát nghèo, từng bước làm giàu chính đáng. Ngoài ra, từ năm 2015 đến nay, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành 22 văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW (*Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm*).

## **2.2. Ở cấp huyện, cấp xã**

Căn cứ chỉ đạo của tỉnh, các huyện ủy, thành ủy và Ủy ban nhân dân cùng cấp đã ban hành văn bản chỉ đạo các ngành, đoàn thể và chính quyền cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW với trọng tâm tăng cường quản lý, nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng tại xã; bổ sung nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác; các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác phối hợp triển khai thực hiện.

Hàng năm, trong kế hoạch, chương trình công tác, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW và tổ chức triển khai thực hiện, trọng tâm là công tác tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương cùng cấp triển khai hiệu quả và tìm ra các giải pháp tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách.

## **3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận 06-KL/TW**

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chỉ đạo Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, cấp huyện xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; căn cứ kế hoạch được duyệt, Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổ chức kiểm tra tại 100% huyện, thành phố; Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện kiểm tra, giám sát tại 100% xã, phường, thị trấn; thành viên Ban đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hàng quý tại các thôn, Tổ tiết kiệm và vay vốn và người vay.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh thường xuyên thực hiện công tác giám sát đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội; tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và chính quyền địa phương thường xuyên hướng dẫn, giám sát bình xét đối tượng vay vốn công khai, dân chủ; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, hướng dẫn người vay sử dụng vốn hiệu quả.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; hàng năm, xây dựng và hoàn thành 100% kế hoạch kiểm tra; phát huy hiệu quả vai trò của hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ giúp



cho lãnh đạo các cấp điều hành hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội thông suốt, đúng quy định, thực hiện quản lý vốn an toàn và đúng pháp luật. Hoạt động kiểm tra, giám sát đã phát hiện, ngăn ngừa kịp thời các tồn tại, sai sót xảy ra trong hoạt động nghiệp vụ, từ đó góp phần tích cực trong việc bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy trình nghiệp vụ.

## **II. Đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW**

### **1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội**

#### ***1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tín dụng chính sách xã hội***

Thông qua việc tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW đã tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động của tập thể lãnh đạo, cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với vai trò, vị trí, tầm quan trọng của tín dụng chính sách xã hội trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội tại địa phương. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đã đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp Nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách. Hàng tháng, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác được Ngân hàng Chính sách xã hội cung cấp, thông tin những chủ trương, chính sách tín dụng mới ngay tại xã để thông báo, tuyên truyền cho người vay vốn thông qua các buổi sinh hoạt Tổ tiết kiệm và vay vốn.

Ngoài ra, nội dung Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW còn được đưa vào các hội thi của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp tỉnh và cấp cơ sở; đồng thời, những chủ trương, chính sách về tín dụng chính sách luôn được Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh công khai trên bảng thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh.

#### ***1.2. Lãnh đạo, chỉ đạo đưa hoạt động tín dụng chính sách xã hội thành nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 05 năm 2021-2025***

Từ nhận thức đúng và đầy đủ về tín dụng chính sách xã hội, cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã đều xác định nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên trong triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 05 năm 2021-2025 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030. Các chương trình tín dụng chính sách xã hội được triển khai thực hiện, bổ sung, đa dạng đối tượng thụ hưởng qua từng năm góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cụ thể:

*Thứ nhất*, đây là nguồn lực để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác phát triển sản xuất, kinh doanh, nhất là việc hỗ trợ để ứng

dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, hỗ trợ mua cây, con giống và tư liệu sản xuất khác.

*Thứ hai*, đây là nguồn vốn hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh, cá nhân trong khởi nghiệp cũng như thu hút việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho người lao động và người chấp hành xong án phạt tù.

*Thứ ba*, đây là nguồn vốn để cho hộ nghèo có thể sử dụng cùng với các nguồn lực khác để làm nhà ở, xóa nhà tạm, cải thiện môi trường sống.

*Thứ tư*, nguồn vốn tín dụng chính sách rất quan trọng để cho con em hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được bảo đảm việc học tập, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương.

Kết quả 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW, toàn tỉnh đã có trên 713 nghìn lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn với doanh số cho vay trên 26.363 tỷ đồng; bình quân mỗi năm 2.636 tỷ đồng<sup>(1)</sup>.

### ***1.3. Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền***

*- Công tác củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội:*

Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp thường xuyên chỉ đạo nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội, xem đây là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên trong quá trình hoạt động. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh luôn là một trong những đơn vị có chất lượng tín dụng tốt trong toàn hệ thống<sup>(2)</sup> kể từ khi thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW.

Để duy trì chất lượng tín dụng ổn định, cấp ủy, chính quyền các cấp đã chỉ đạo các ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, sử dụng đồng bộ nhiều giải pháp; trong đó, giải pháp chính là chỉ đạo việc tổ chức bình xét cho vay đúng đối tượng thụ hưởng; hướng dẫn hỗ trợ người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả; tích cực thực hành tiết kiệm tham gia gửi tiền để tích lũy trả nợ khi đến hạn. Bên cạnh đó, triển khai thực hiện Quyết định số 976/QĐ-TTg, ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phân loại nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội, định kỳ 03 năm một lần, Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, các cơ quan chuyên môn tổ chức đối chiếu phân loại nợ đến 100% khách hàng vay vốn để kiểm kê, đánh giá thực trạng nguồn vốn tín dụng chính sách được giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý, qua đó củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng và đề xuất biện pháp xử lý đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Từ năm 2015 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổ chức 03 đợt đối chiếu phân loại nợ; kết quả, không

<sup>1)</sup> Tổng dư nợ 17 chương trình tín dụng chính sách đến ngày 30/4/2024 đạt 5.953 tỷ đồng, tăng 3.791 tỷ đồng (+175,3%) so với năm 2014, với 101.060 hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác còn dư nợ, chiếm 28,1% số hộ của tỉnh; tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân hàng năm khoảng 10%; trong đó, dư nợ tại các xã nghèo của tỉnh là 278 tỷ đồng; dư nợ tại các xã xây dựng nông thôn mới là 4.548 tỷ đồng, chiếm 76,4% tổng dư nợ; dư nợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số là 2.088 tỷ đồng, chiếm 35% trên tổng dư nợ.

<sup>2)</sup> Dư nợ quá hạn và nợ khoanh đến ngày 30/4/2024 là 8,4 tỷ đồng, chiếm 0,14% trên tổng dư nợ, giảm 6,1 tỷ đồng (giảm 42,24%) so với năm 2014; trong đó, nợ quá hạn là 3,4 tỷ đồng, chiếm 0,06% trên tổng dư nợ, giảm 5 tỷ đồng (giảm 59,89%) so với năm 2014; nợ khoanh là 05 tỷ đồng, chiếm 0,08% trên tổng dư nợ, giảm 1 tỷ đồng (giảm 17,64%) so với năm 2014.

có chênh lệch số dư nợ gốc, nợ lãi giữa ngân hàng và khách hàng. Để tạo điều kiện cho các đối tượng vay vốn gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh,...) khắc phục khó khăn, tiếp tục có vốn để sản xuất, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác thực hiện tốt công tác xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, đảm bảo việc xử lý nợ bị rủi ro chính xác, kịp thời, tạo điều kiện để người vay tiếp tục đầu tư khôi phục sản xuất, vươn lên thoát nghèo, tránh nguy cơ tái nghèo.

*- Công tác điều tra, xác định đối tượng được vay vốn:*

Căn cứ quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành và của Ngân hàng Chính sách xã hội; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo cùng cấp xây dựng kế hoạch giảm nghèo, ban hành các chính sách cụ thể của địa phương để hỗ trợ đối tượng hộ nghèo, hỗ trợ đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo trên địa bàn. Hàng năm, thực hiện nghiêm công tác điều tra, rà soát, phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và đối tượng chính sách khác làm cơ sở để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định.

Giai đoạn sau đại dịch Covid-19, tỉnh Lâm Đồng chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp Ngân hàng Chính sách xã hội rà soát, tổng hợp danh sách những doanh nghiệp bị ảnh hưởng có nhu cầu vay vốn theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; rà soát đối tượng, nhu cầu, thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội để ngân hàng cho vay đúng quy định và đúng đối tượng.

*- Công tác phối hợp giữa hoạt động huấn luyện kỹ thuật, đào tạo nghề và chuyển giao công nghệ với hoạt động cho vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, giúp người vay sử dụng vốn hiệu quả:*

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn, chuyển giao khoa học kỹ thuật; lồng ghép các chương trình, dự án sản xuất kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, lựa chọn cây trồng, vật nuôi, ngành nghề, định hướng thị trường với việc triển khai tín dụng chính sách trên địa bàn để phát huy hiệu quả nguồn vốn vay; tư vấn, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh điển hình, giúp nhau vươn lên thoát nghèo và làm giàu.

Chính quyền địa phương phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các trường dạy nghề trên địa bàn lồng ghép chương trình tín dụng chính sách với dạy nghề nông thôn; đồng thời, tiến hành bình xét cho vay ưu tiên các đối tượng đã qua học nghề, các trường hợp chưa qua học nghề được lập danh sách đưa vào kế hoạch đào tạo nghề của xã; ngoài ra, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác các cấp có kế hoạch đào tạo cán bộ cấp cơ sở, mời cán bộ kỹ thuật cấp huyện, xã đến giới thiệu kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi để cán bộ tổ chức chính trị - xã hội tuyên

truyền, hướng dẫn lại cho người vay nhằm nâng cao hiệu quả vốn tín dụng chính sách.

*- Xây dựng, lồng ghép mô hình, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững của địa phương với việc sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội:*

Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với các sở, ngành xây dựng: (1) Đề án tổ hợp tác tiết kiệm và vay vốn liên kết các hộ vay có cùng mục đích vay vốn đầu tư sản xuất kinh doanh, áp dụng khoa học kỹ thuật để có sản lượng, sản phẩm lớn, tương đối đồng nhất về chủng loại và chất lượng, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh hàng nông, lâm, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp truyền thống của tỉnh; (2) Đề án chính sách tín dụng dành cho thanh niên khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hỗ trợ về nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho thanh niên vay để khởi nghiệp, lập nghiệp; qua đó, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong thanh niên, khuyến khích khát vọng làm giàu chính đáng của tuổi trẻ trong tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo hướng hiện đại, áp dụng công nghệ cao, xây dựng các mô hình du lịch mới, đa dạng nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

*- Công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội với Ngân hàng Chính sách xã hội:*

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ tỉnh đến cấp huyện đã thực hiện ký kết Chương trình phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, chỉ đạo cấp cơ sở phối hợp tốt với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc thực hiện các chương trình tín dụng chính sách; mở tài khoản tiền gửi thanh toán của cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ cấp tỉnh đến cấp xã tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Hàng năm, đồng hành với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện chương trình “*Gửi tiết kiệm chung tay vì người nghèo*”, tạo nguồn lực tài chính quan trọng bổ sung nguồn vốn tín dụng chính sách.

Các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện ký kết văn bản liên tịch, hợp đồng ủy thác với Ngân hàng chính sách xã hội; trong đó, nâng cao trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng chính sách xã hội trong hoạt động ủy thác, củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng; nâng cao chất lượng Tổ tiết kiệm và vay vốn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn, giám sát việc sử dụng vốn vay; tập huấn nghiệp vụ cho các thành phần tham gia thực hiện tín dụng chính sách. Đồng thời, chỉ đạo Hội đoàn thể nhận ủy thác cấp cơ sở bình xét cho vay đúng đối tượng, hướng dẫn người vay sử dụng vốn đúng mục đích; nhân rộng mô hình người vay sử dụng vốn vay có hiệu quả; tăng cường công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn, kiểm tra khách hàng sử dụng vốn vay. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về tín dụng chính sách; tuyên truyền công tác huy động tiền gửi; nhân rộng các mô hình vay vốn có hiệu quả. Nắm bắt thông tin của hộ vay đi làm ăn xa, bỏ đi khỏi địa phương, các hộ vay có nguy cơ rủi ro để thông báo cho chính quyền địa phương và Ngân hàng Chính sách xã hội có giải pháp xử lý.



#### **1.4. Trách nhiệm phân biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội**

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức, triển khai các chương trình giám sát xã hội việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp giám sát các cơ quan liên quan đến tín dụng chính sách xã hội, giám sát người được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội; phản biện xã hội đối với dự thảo các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật về tín dụng chính sách xã hội và hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; tham gia đóng góp ý kiến với các dự thảo chương trình, đề án có liên quan đến tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

#### **1.5. Trách nhiệm thực hiện các nội dung được ủy thác của các tổ chức chính trị - xã hội**

Các tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện tốt các nội dung công việc nhận ủy thác như: Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Ngân hàng chính sách xã hội về các chương trình tín dụng ưu đãi để người vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, có trách nhiệm trả nợ khi đến hạn; chỉ đạo bình xét công khai, dân chủ, kịp thời, đúng đối tượng của từng chương trình tín dụng theo quy định; nâng cao trách nhiệm của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trong tham gia sinh hoạt Tổ tiết kiệm và vay vốn, giám sát bình xét cho vay, giám sát phiên giao dịch xã, kiểm tra sử dụng vốn vay.

Hàng năm, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức tập huấn cho 100% cán bộ của tổ chức chính trị - xã hội các cấp, Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn; thường xuyên củng cố, kiện toàn hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ đạo tổ chức chính trị - xã hội các cấp xây dựng chương trình kiểm tra và tổ chức kiểm tra, giám sát hàng năm theo kế hoạch. Phối hợp với cơ quan khuyến nông, các ngành có liên quan lồng ghép công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học kỹ thuật với việc cho vay vốn, giúp hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và tăng thu nhập cho hộ vay. Đưa chỉ tiêu chất lượng hoạt động nhận ủy thác cho vay với Ngân hàng Chính sách xã hội vào công tác thi đua khen thưởng của tổ chức chính trị - xã hội theo định kỳ.

Tính đến ngày 30/4/2024, dư nợ ủy thác qua các tổ chức chính trị - xã hội đạt 5.945 tỷ đồng/2.464 Tổ tiết kiệm và vay vốn/100.926 khách hàng, tăng 3.790 tỷ đồng (+175%) so với năm 2014, chiếm tỷ lệ 99,87% trên tổng dư nợ của toàn Chi nhánh<sup>3)</sup>.

## **2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội**

<sup>3)</sup> Dư nợ cho vay của các tổ chức chính trị - xã hội, như sau: (i) Hội Phụ nữ: dư nợ 2.153 tỷ đồng/870 tổ tiết kiệm và vay vốn/37.087 khách hàng; Nợ quá hạn 1,2 tỷ đồng, chiếm 0,06% tổng dư nợ. (ii) Hội Nông dân: dư nợ 1.839 tỷ đồng/779 tổ tiết kiệm và vay vốn/31.480 khách hàng; Nợ quá hạn 1,16 tỷ đồng, chiếm 0,06% tổng dư nợ. (iii) Hội Cựu chiến binh: Dư nợ 989 tỷ đồng/422 tổ tiết kiệm và vay vốn/16.607 khách hàng; Nợ quá hạn 0,51 tỷ đồng, chiếm 0,05% tổng dư nợ. (iv) Đoàn Thanh niên: Dư nợ 963 tỷ đồng/393 tổ tiết kiệm và vay vốn/15.752 khách hàng; Nợ quá hạn 0,35 tỷ đồng, chiếm 0,04% tổng dư nợ.

### **2.1. Kiến nghị ban hành, sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng ưu đãi chung của cả nước**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, bổ sung Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia vào Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện; mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức cho vay chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và chương trình cho vay phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát lại các chính sách giảm nghèo, hỗ trợ giảm nghèo thông qua chính sách tín dụng có hỗ trợ lãi suất, các chương trình mục tiêu quốc gia; qua đó, phát hiện những bất cập về chính sách, về tổ chức thực hiện và đề xuất ban hành, sửa đổi bổ sung một số chính sách phù hợp hơn với thực tế, cụ thể như: Chính sách miễn giảm học phí; chính sách hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi ngành nghề và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và người kinh nghèo sống tại xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; chính sách xóa nhà tạm cho hộ nghèo tại khu vực nông thôn giai đoạn 2016-2020.

### **2.2. Ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách tín dụng ưu đãi trên địa bàn tỉnh**

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế<sup>4)</sup> quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC, ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính; trong đó, quy định cụ thể về hợp đồng ủy thác; quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; đối tượng cho vay; cơ chế cho vay; gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn; quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay; xử lý nợ bị rủi ro...và giao trách nhiệm cụ thể của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và người vay vốn.

Ban hành chính sách cho vay vốn từ nguồn ngân sách địa phương đối với các đối tượng theo đặc thù của tỉnh, như: Cho vay hộ có thu nhập bằng 150% thu nhập của hộ nghèo để sản xuất kinh doanh; cho vay người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài (từ năm 2014); cho vay hộ có mức sống trung bình để sản xuất kinh doanh; cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường đối với hộ cư trú tại phường thị trấn; cho vay mô hình tổ hợp tác tiết kiệm và vay vốn (từ năm 2019); cho vay mô hình thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp theo chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm với mức cho vay lên 200 triệu đồng/người lao động (từ năm 2022); hỗ trợ lãi suất cho hộ nghèo tại xã nghèo, thôn nghèo của tỉnh vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã sử dụng một phần Quỹ vì người nghèo ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho hộ nghèo cư trú tại tổ dân phố thuộc phường, thị trấn vay vốn làm nhà ở; hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở phường, thị

<sup>4)</sup> Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND, ngày 04/01/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

trần vay vốn để sản xuất kinh doanh; hộ nghèo, hộ cận nghèo ở phường, thị trấn vay vốn làm công trình nước sạch, nhà vệ sinh.

### **3. Bố trí, huy động nguồn lực ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội**

#### **3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương huy động các nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án tín dụng chính sách xã hội**

Thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW, tỉnh Lâm Đồng xác định việc tập trung nguồn lực ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, tạo việc làm,... Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ưu tiên bố trí ngân sách của địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội; bố trí ngân sách tỉnh hàng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội năm sau bằng hoặc cao hơn năm trước để đáp ứng nhu cầu vốn cho vay các đối tượng đặc thù của địa phương và thực hiện các chương trình tín dụng chính sách. Bên cạnh đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở xem xét, cân đối sử dụng một phần nguồn vốn từ Quỹ vì người nghèo ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với các đối tượng chính sách.

#### **3.2. Kết quả bố trí, huy động nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội**

Sau 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, nguồn vốn tín dụng chính sách có sự tăng trưởng vượt bậc, tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Tổng nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến thời điểm 30/4/2024 đạt 5.966 tỷ đồng, tăng 3.799 tỷ đồng (+175,28%) so với năm 2014, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 10,1%. Cụ thể như sau:

- Nguồn vốn được cấp từ Trung ương 4.405 tỷ đồng, tăng 2.407 tỷ đồng (+120,47%) so với năm 2014, chiếm 73,83% trên tổng nguồn vốn.

- Nguồn vốn nhận ủy thác tại địa phương: 623 tỷ đồng, tăng 570 tỷ đồng (+1.082%) và gấp 11,8 lần so với năm 2014, chiếm 10,43% trong tổng nguồn vốn; trong đó: Nguồn vốn ngân sách tỉnh 354 tỷ đồng, nguồn vốn ngân sách huyện 259 tỷ đồng, nguồn vốn nhận ủy thác từ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là 9,4 tỷ đồng (*cấp tỉnh 5,4 tỷ đồng, cấp huyện 4 tỷ đồng*). Kết quả bổ sung nguồn vốn ủy thác từ địa phương là điểm nổi bật trong việc thực hiện chủ trương tập trung huy động nguồn lực để triển khai tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn vốn huy động từ tổ chức, cá nhân trên thị trường và tiền gửi của tổ viên thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn đạt 939 tỷ đồng, tăng 822 tỷ đồng (+703,9%) so với năm 2014, chiếm 15,26% trong tổng nguồn vốn.

### **4. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương**

#### **4.1. Về hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp**

Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp đã tổ chức hoạt động đúng quy chế; triển khai thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chương trình mục tiêu

quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới tại địa phương; tham mưu thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW. Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh thường xuyên rà soát, kiện toàn kịp thời Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp khi có thay đổi về nhân sự. Năm 2015, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh đã bổ sung 100% Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện<sup>5)</sup>.

Bên cạnh đó, hàng năm Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp đã xây dựng quy trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng chính sách theo đúng quy định<sup>6)</sup>. Duy trì họp theo định kỳ, ban hành Nghị quyết chỉ đạo triển khai các chương trình tín dụng chính sách sát với thực tế tại địa phương.

#### ***4.2. Công tác kiện toàn tổ chức đảng; công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội***

##### ***- Công tác kiện toàn tổ chức đảng:***

Việc kiện toàn tổ chức đảng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội được các cấp ủy đảng quan tâm chỉ đạo nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội. Đến nay, Hội sở Chi nhánh và 11 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội đều có chi bộ riêng trực thuộc Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh, các Huyện ủy và Thành ủy Bảo Lộc với 99 đảng viên, chiếm 61% tổng số cán bộ, viên chức, người lao động của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Từ năm 2015 đến nay, đã cử 05 đảng viên học lớp cao cấp lý luận chính trị; 21 đảng viên học lớp trung cấp lý luận chính trị; tạo điều kiện cho 33 cán bộ, viên chức tự học các lớp đào tạo Thạc sĩ, Cử nhân chuyên ngành tài chính - ngân hàng; học tập, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp luôn được các cấp ủy đảng quan tâm.

##### ***- Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ:***

Từ năm 2014 đến nay, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán 04 lượt, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thanh tra, kiểm tra 05 lượt, Bộ Tài chính kiểm toán 01 lượt, Hội sở chính kiểm tra 03 lượt, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát 01 lượt, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội giám sát 01 lượt, thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội giám sát 03 lượt, Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát 01 lượt. Qua kiểm toán, kiểm tra, giám sát, các đoàn kiểm tra, giám sát ghi nhận chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã

<sup>5)</sup> Tính đến ngày 30/4/2024, tổng số thành viên Ban đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp là 275 người; trong đó, cấp tỉnh 13 người, cấp huyện 262 người (bao gồm 142 Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã).

<sup>6)</sup> Kết quả trong 10 năm qua như sau: Ban đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp đã kiểm tra, 111 lượt huyện, 5.458 lượt Điểm giao dịch xã, 5.465 lượt xã, 10.352 lượt Tổ tiết kiệm và vay vốn và 28.103 lượt hộ vay; Tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác các cấp đã kiểm tra 466 lượt huyện, 5.514 lượt Điểm giao dịch xã, 3.491 lượt xã, 25.526 lượt Tổ tiết kiệm và vay vốn và 628.538 lượt hộ vay; Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, cấp huyện đã kiểm tra 421 lượt huyện, 569 lượt Điểm giao dịch xã, 336 lượt xã, 985 lượt Tổ tiết kiệm và vay vốn và 7.938 lượt hộ vay.

hội tỉnh đã triển khai kịp thời tín dụng chính sách đến đối tượng thụ hưởng, chấp hành tốt các chỉ tiêu, định mức quy định về công tác kế toán, tín dụng và chấp hành đúng quy định của Nhà nước và ngành.

Năm 2018, Ủy ban Dân tộc đã tiến hành khảo sát hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007-2017 trên địa bàn tỉnh; Đoàn khảo sát liên Bộ, gồm: Ngân hàng Nhà nước, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội khảo sát đánh giá việc triển khai chương trình cho vay hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo. Kết quả khảo sát, đánh giá và ghi nhận tỉnh Lâm Đồng đã chỉ đạo thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách xã hội.

#### ***4.3. Ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa ngân hàng***

Xác định “Hiện đại hóa tín học” là nội dung then chốt trong thực hiện mục tiêu nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả xử lý nghiệp vụ, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã chủ động xây dựng website nội bộ và 15 chương trình phần mềm hỗ trợ phục vụ công tác khai thác số liệu cho cán bộ nghiệp vụ và chỉ đạo điều hành tại đơn vị; tăng cường và cải thiện sự tiếp cận các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác; triển khai hiệu quả ứng dụng quản lý tín dụng chính sách từ đầu năm 2021 giúp Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn giao dịch với Tổ viên bằng ứng dụng trên điện thoại thông minh, hỗ trợ việc thu lãi chính xác, giảm thiểu thời gian; giúp các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác nắm bắt kịp thời số liệu hoạt động tín dụng tín sách trên địa bàn; qua đó, nâng cao hiệu quả giám sát việc thực hiện tín dụng tại địa phương và việc triển khai tốt ứng dụng VBSP SmartBanking của Ngân hàng Chính sách xã hội từ năm 2022 đã mang đến nhiều tiện lợi cho khách hàng.

#### ***4.4. Hiệu quả phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội; hoạt động tại các Điểm giao dịch xã***

Với phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù thông qua hình thức phân công, phân cấp trách nhiệm trong việc xác định hộ nghèo và các đối tượng chính sách đủ điều kiện vay vốn; thực hiện dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư; kết hợp sự tham gia của tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác với vai trò giám sát xã hội và nhận ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình nghiệp vụ tín dụng chính sách là hướng đi đúng đắn, huy động được sức mạnh của cộng đồng và toàn xã hội, giúp cho việc chuyển tải nguồn vốn tín dụng ưu đãi đến đúng đối tượng thụ hưởng một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. Thông qua hoạt động ủy thác, góp phần làm cho hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội thiết thực, có lợi ích cụ thể, thu hút được đông đảo hội viên tham gia sinh hoạt, củng cố tổ chức ngày càng lớn mạnh. Mỗi quan hệ giữa Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội được tăng cường gắn bó trên tinh thần cộng đồng trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo bền vững và việc làm, đạt hiệu quả cả về mặt kinh tế, chính trị và xã hội.

Việc xây dựng các Tổ tiết kiệm và vay vốn tại địa bàn dân cư (thôn, tổ dân phố) theo nguyên tắc tự nguyện, tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đúng thời hạn dưới sự quản lý, giám sát của tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và chính quyền địa



phương là cầu nối chuyển tải vốn tín dụng đến đúng đối tượng thụ hưởng, là nền tảng để nâng cao hiệu quả và chất lượng tín dụng. Thông qua sinh hoạt tổ, hộ nghèo và các đối tượng chính sách được cung cấp thông tin, được học tập chuyển giao khoa học kỹ thuật, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ nhau; qua đó, tạo nên sức mạnh trong cộng đồng dân cư; đồng thời, cũng là nơi thực hiện giám sát của cộng đồng trong việc sử dụng các nguồn lực của Nhà nước, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện cho vay, thu nợ, thu lãi, nhận tiền gửi tại 142 Điểm giao xã theo lịch cố định hàng tháng (*kể cả ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ*) với phương châm “*phục vụ tại nhà, giải ngân tại xã*” đã tiết giảm được chi phí đi lại cho người dân, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận và làm quen với dịch vụ ngân hàng. Để tiếp tục nâng cao chất lượng giao dịch tại Điểm giao dịch xã, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã xây dựng thành công 43/142 Điểm giao dịch xã kiểu mẫu. Việc công khai các chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước, quy trình, thủ tục cho vay, dư nợ của người vay ngay tại xã đã tạo điều kiện cho chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân biết để cùng thực hiện; đồng thời, kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng chính sách.

#### ***4.5. Về hỗ trợ cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Ngân hàng Chính sách xã hội***

Nhằm nâng cao năng lực hoạt động cho Ngân hàng Chính sách xã hội, ngoài việc cân đối ngân sách ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay; trong 10 năm qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp 990 triệu đồng từ nguồn ngân sách địa phương đối ứng kinh phí trang bị 03 xe ô tô chuyên dùng phục vụ hoạt động giao dịch tại Điểm giao dịch xã; hỗ trợ 880 triệu đồng để trang bị cặp đựng hồ sơ cho Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn; cấp bù lãi suất cho các trường hợp cho vay hộ nghèo tại các xã nghèo và các trường hợp vay vốn đi lao động ở nước ngoài từ nguồn vốn nhận ủy thác của ngân sách tỉnh, số tiền 739 triệu đồng.

Ủy ban nhân dân các huyện đã cấp 1.380m<sup>2</sup> đất cho các Phòng giao dịch huyện để xây dựng trụ sở làm việc của Phòng giao dịch và hỗ trợ 45 triệu đồng mua sắm trang thiết bị làm việc cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Ngoài ra, cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm bố trí phòng làm việc và tạo điều kiện cho Ngân hàng Chính sách xã hội giao dịch hàng tháng tại Điểm giao dịch xã; chỉ đạo lực lượng dân quân, Công an xã hỗ trợ, bảo vệ hoạt động của tổ giao dịch của ngân hàng.

### **III. Đánh giá chung**

#### **1. Kết quả đạt được**

***1.1. Nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội:***

Sau 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW đã làm thay đổi một cách sâu sắc nhận thức và hành động của các cấp ủy

đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc đẩy mạnh thực hiện tín dụng chính sách xã hội. Cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức quán triệt sâu rộng nội dung Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW trên địa bàn tỉnh đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân trên địa bàn tỉnh; qua đó, nâng cao nhận thức về vai trò của tín dụng chính sách xã hội, xác định nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tín dụng chính sách xã hội là nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình, kế hoạch triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; tạo điều kiện thuận lợi để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội; góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, hạn chế việc cho vay nặng lãi, tín dụng đen, cải thiện đời sống Nhân dân, góp phần ổn định chính trị, trật tự xã hội và phát triển kinh tế.

Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền trong việc củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội đã được nâng lên rõ rệt; các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được lồng ghép với các chương trình tín dụng chính sách ưu đãi để phát huy hiệu quả tín dụng chính sách xã hội; cùng với việc bổ sung Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện đã nâng cao vai trò quản lý Nhà nước, khẳng định được trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền cấp xã đối với hoạt động tín dụng chính sách tại cơ sở và đem lại hiệu quả trong việc triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách; đồng thời, quản lý tốt các nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn xã; chất lượng tín dụng chính sách được nâng cao, nợ quá hạn giảm.

Bên cạnh đó, để thực hiện tốt hơn công tác tín dụng chính sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội; đề xuất, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi phù hợp với thực tế tại cơ sở.

### ***1.2. Tập trung huy động nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội***

Sau 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW, tổng nguồn lực huy động để thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đạt 3.799 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội là 623 tỷ đồng, gấp 11,8 lần so với trước khi thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW. Nguồn vốn ngân sách địa phương đã đáp ứng cơ bản nhu cầu của những đối tượng đặc thù của địa phương.

### ***1.3. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương***

Qua thực tiễn, có thể khẳng định mô hình hoạt động hiện nay của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội phù hợp với thực tế hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội; gắn trọng trách, nhiệm vụ của các cấp, các ngành liên quan trong công tác giảm nghèo; đảm bảo được tính công khai, dân chủ, minh bạch trong sử dụng nguồn vốn Nhà nước và tổng hợp được sức mạnh mang tính cộng đồng cao trong công tác giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội. Đây là mô

hình đặc thù của Ngân hàng Chính sách xã hội đã giúp huy động được sức mạnh của hệ thống chính trị để thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi.

Với việc ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội thông qua các Tổ tiết kiệm và vay vốn tại tất cả các thôn, tổ dân phố đã phát huy lợi thế là huy động được lực lượng xã hội lớn cùng Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện tốt các chương trình tín dụng ưu đãi. Hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn theo nguyên tắc tự nguyện, tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đúng hạn, qua đó thực sự phát huy hiệu quả và huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia hoạt động tín dụng chính sách, đảm bảo vốn tín dụng chính sách đến đúng các đối tượng thụ hưởng một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Năng lực hoạt động tín dụng chính sách xã hội của Ngân hàng Chính sách xã hội trong 10 năm qua từng bước được nâng cao, mang lại hiệu quả thiết thực góp phần quan trọng đem lại sự ổn định cho nông thôn, nông dân, tác động mạnh mẽ đến việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, dự án, chương trình của tỉnh; đồng thời, tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; qua đó, góp phần thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh.

#### ***1.4. Đánh giá hiệu quả của nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn***

Nguồn vốn các chương trình tín dụng ưu đãi trong 10 năm qua đã giúp cho 23.778 hộ thoát nghèo, tạo việc làm và tăng thêm việc làm cho 39.340 lao động; tạo điều kiện cho trên 12.145 lượt học sinh, sinh viên vay vốn trang trải chi phí học tập; giúp cho 311 lao động đi làm việc ở nước ngoài; xây dựng trên 202.705 công trình nước sạch và nhà vệ sinh hợp chuẩn góp phần cải tạo môi trường sống; xây dựng 1.823 căn nhà cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách. Các chương trình tín dụng ưu đãi do Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cùng với các chính sách khác góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh<sup>7)</sup> hiện còn 1,09% cuối năm 2023; nâng tỷ lệ hộ dân ở khu vực nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh lên 86%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh 71,5%; tỷ lệ hộ gia đình có chuồng trại gia súc hợp vệ sinh 69%. Thông qua các chương trình tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách xã hội đầu tư cho vay tại các xã xây dựng nông thôn mới trong tỉnh đã góp phần giúp 109/111 xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới, 41 xã nông thôn mới nâng cao và 16 xã nông thôn mới kiểu mẫu, 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 02 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

## **2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

**2.1.** Nguồn lực của Nhà nước có hạn trong khi phải thực hiện đồng thời nhiều mục tiêu để phát triển kinh tế - xã hội nên mức độ đầu tư vốn của Nhà nước cho các chương trình mục tiêu quốc gia nói chung và tín dụng chính sách xã hội nói riêng còn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Công tác huy động vốn từ các tổ

<sup>7)</sup> Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh:

- Giai đoạn 2011 - 2015: giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 2,75% năm 2014 xuống còn 1,75% cuối năm 2015.  
- Giai đoạn 2016 - 2020: giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 6,67% xuống còn 0,9% cuối năm 2021.  
- Giai đoạn 2022 - 2025: giảm tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh từ 2,87% xuống còn 1,09% cuối năm 2023.

chức, cá nhân để bổ sung nguồn vốn cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội còn thấp.

- Mức cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hiện nay 10 triệu đồng/01 công trình là thấp so với chi phí thực tế để người dân có thể xây dựng.

- Thực tế hiện nay có rất nhiều hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu vay tiêu dùng để trang trải một phần chi phí sinh hoạt hàng ngày và các chi phí phát sinh khi gặp khó khăn đột xuất, nhưng chưa có cơ chế cho vay.

- Chưa có chính sách cho vay vốn phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh đối với hộ có mức sống trung bình làm nông, lâm, ngư, trong khi nhu cầu của đối tượng này rất lớn, khó tiếp cận nguồn vốn tín dụng thương mại.

- Chưa có cơ chế kéo dài thời gian thụ hưởng chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn tại các xã được công nhận nông thôn mới để các hộ vay tại các xã này tiếp tục duy trì phát triển sản xuất, hạn chế nguy cơ tái nghèo. Nguồn vốn cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn của người dân.

## 2.2. Trong công tác nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động:

- Có nơi lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chưa quan tâm đúng mức đến công tác quản lý nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn, chưa có các biện pháp cụ thể và tích cực để cải thiện chất lượng tín dụng, nhất là các biện pháp xử lý các trường hợp khách hàng còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội nhưng bỏ đi khỏi nơi cư trú.

- Chưa có cơ chế phối hợp giữa các ngành, đoàn thể trong việc phối hợp, lồng ghép các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động chuyên giao khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác với hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoạt động ủy thác đối với tổ chức chính trị - xã hội cấp dưới, nhất là công tác kiểm tra, giám sát, nâng cao chất lượng tín dụng, hoạt động Tổ tiết kiệm và vay vốn ở một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, đồng bộ.

## 3. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội chưa được triển khai toàn diện; cán bộ của các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện nhiệm vụ ủy thác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thường có sự thay đổi nhân sự sau các kỳ đại hội nên việc nắm bắt chế độ, chính sách đôi lúc còn chưa đầy đủ, kịp thời, phần nào ảnh hưởng đến công tác quản lý nguồn vốn tín dụng chính sách.

- Công tác tư vấn, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh điển hình, giúp nhau vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng, mặc dù đã triển khai nhưng chưa mang lại hiệu quả thiết thực và chưa được nhân rộng.

- Nguồn vốn Quỹ quốc gia về việc làm chưa đáp ứng nhu cầu vay vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm của nhiều người lao động.

- Một số trường hợp khách hàng vay vốn gặp khó khăn do sản xuất, kinh doanh thua lỗ, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh; một số khách hàng còn thiếu ý thức trả nợ, một số bỏ đi khỏi nơi cư trú nên khó khăn trong công tác đôn đốc, thu hồi nợ, tiềm ẩn phát sinh nợ quá hạn. Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, sạt lở, dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống, hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn của người vay trong thời gian dài.

#### **IV. Bài học kinh nghiệm**

Trong quá trình triển khai thực hiện chủ trương của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, tỉnh Lâm Đồng rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

*Một là*, quán triệt, triển khai nghiêm túc, kịp thời các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về tín dụng chính sách gắn với phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; cụ thể hóa thành chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch công tác của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh để nhất quán quan điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

*Hai là*, triển khai hiệu quả các biện pháp hỗ trợ sinh kế cho các hộ nghèo, cận nghèo thông qua việc thực hiện lồng ghép chương trình giảm nghèo với chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình hỗ trợ có mục tiêu khác; bên cạnh việc triển khai đồng thời các chính sách, dự án của Trung ương, địa phương cần tập trung xây dựng, ban hành đồng bộ, kịp thời cơ chế, chính sách, đề án riêng để hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo theo hướng tích hợp, đồng bộ với các chính sách của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; qua đó, phát huy tiềm năng, lợi thế và các yếu tố đặc thù của từng địa bàn, khu vực trong tỉnh.

*Ba là*, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội cùng chung sức thực hiện mục tiêu giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; trong đó, có việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách. Hoạt động cho vay ủy thác thông qua các Tổ chức chính trị - xã hội là hướng đi đúng đắn, huy động được sức mạnh của cộng đồng và toàn xã hội, giúp việc chuyển tải nguồn vốn tín dụng chính sách đến đúng đối tượng thụ hưởng nhanh nhất và hiệu quả nhất.

*Bốn là*, huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giảm nghèo; trong đó, có nguồn vốn tín dụng chính sách. Trong điều kiện của một tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nguồn lực đầu tư hạn hẹp, bên cạnh các nguồn lực của ngân sách nhà nước, việc vận động, huy động đa dạng các nguồn lực xã hội hóa để tăng cường hỗ trợ cho công tác giảm nghèo đã phát huy hiệu quả.

*Năm là*, mô hình hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội rất phù hợp với thực tế hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội; gắn trọng trách, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc quản lý, sử



dụng hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách; sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Ban đại diện giúp cho hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội được nâng cao, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh.

## **Phần thứ hai**

# **NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG BỐI CẢNH MỚI**

## **I. Dự báo bối cảnh kinh tế - xã hội của địa phương và những vấn đề đặt ra đối với tín dụng chính sách xã hội**

### **1. Bối cảnh kinh tế - xã hội của địa phương**

Tình hình kinh tế - xã hội vẫn tồn tại những khó khăn đan xen với kết quả đạt được, cụ thể: quy mô, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; nhu cầu đầu tư cho phát triển rất lớn, nhưng khả năng về nguồn vốn có hạn; đời sống nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn... Bên cạnh đó cũng có những thuận lợi cơ bản: hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng là cơ hội để tỉnh thu hút các nguồn lực đầu tư và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Các tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh sẽ tiếp tục được phát huy; thành tựu trong phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng nông thôn mới sẽ là động lực cho phát triển nền nông nghiệp hiện đại, thay đổi bộ mặt nông thôn thời gian tới; quốc phòng, an ninh đảm bảo, chính trị ổn định là tiền đề hết sức quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm tới.

### **2. Những vấn đề đặt ra đối với tín dụng chính sách xã hội**

Mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội có tính đặc thù, phù hợp với nhu cầu của Nhân dân, là sự vận dụng sáng tạo kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn Việt Nam; cần tiếp tục khẳng định tính ưu việt và hợp lý của mô hình này; phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước đối với tín dụng chính sách xã hội nhưng đồng thời cũng cần phân tích, đánh giá làm rõ một số bất cập, những điểm phải cải thiện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội trong thời gian tới, góp phần huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị để triển khai nhanh chóng, hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi phục vụ người nghèo và nhiều đối tượng chính sách khác trong tình hình mới.

Với phương châm “*Trung ương và địa phương đồng hành*”, hàng năm, ngoài nguồn vốn do Trung ương cấp, nguồn vốn huy động của các tổ chức, cá nhân trên thị trường, tín dụng chính sách xã hội cần bổ sung thêm một lượng lớn nguồn vốn ủy thác từ ngân sách các địa phương nhằm bảo đảm nguồn vốn ổn định để cung cấp tín dụng ưu đãi, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách phù hợp.

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị, điều hành của Ngân hàng Chính sách xã hội; các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng đặc thù với sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác thực hiện một cách có hiệu quả việc

lòng ghép tín dụng chính sách, kết nối hộ vay vốn với các hoạt động hỗ trợ mô hình sinh kế, dạy nghề, tạo việc làm, tập huấn kiến thức sản xuất kinh doanh, kết nối tiêu thụ sản phẩm... với triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Việc tiếp cận, đầu tư công nghệ mới, sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội còn hạn chế; cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hóa ngân hàng; phát triển đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ theo hướng hiện đại, tiện lợi, phù hợp với nhu cầu của khách hàng là người có thu nhập thấp, các doanh nghiệp nhỏ, các hợp tác xã, vừa bảo đảm nguyên tắc kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa đáp ứng mục tiêu xã hội.

## **II. Nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội**

### **1. Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội**

Tiếp tục phổ biến, quán triệt sâu rộng bằng các hình thức phù hợp nội dung Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò và tính nhân văn sâu sắc của tín dụng chính sách xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

Các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp xác định nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội là một trong những nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch hoạt động thường xuyên của các cấp ủy, các ngành, địa phương, đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế. Xây dựng, lồng ghép mô hình, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong việc thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia với việc sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và các tổ chức xã hội nghề nghiệp làm tốt công tác phản biện xã hội, công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp Nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Tiếp tục mở rộng cuộc vận động vì người nghèo để huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân bổ sung nguồn vốn tín dụng cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung được ủy thác; phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội và chính quyền địa phương trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội; hướng dẫn bình xét đối tượng vay vốn công khai, dân chủ; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, hướng dẫn người vay sử dụng vốn có hiệu quả; lồng ghép với các chương trình, dự án của các tổ chức

chính trị - xã hội; tổ chức tư vấn, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh điển hình, giúp nhau thoát nghèo và vươn lên làm giàu.

## **2. Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội**

Tiếp tục chỉ đạo rà soát, nghiên cứu, phân tích, đánh giá hệ thống các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách hiện hành về tín dụng chính sách xã hội để đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, như: Đối tượng được vay, thời hạn cho vay, hạn mức cho vay ... góp phần nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, nghiên cứu, đề xuất bổ sung lồng ghép cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi khi xây dựng các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để triển khai thực hiện phù hợp với đối tượng chính sách xã hội tại địa phương và yêu cầu, sự cần thiết, khả năng bố trí nguồn lực.

Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết về tín dụng chính sách xã hội và Nghị quyết triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15, ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

## **3. Bố trí, huy động nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội**

- Tiếp tục ưu tiên cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, dự án tín dụng chính sách xã hội; Hàng năm, bố trí tăng kinh phí từ ngân sách địa phương để bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay với các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn.

- Tập trung các nguồn vốn tín dụng ưu đãi có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn có tính chất từ thiện, nguồn vốn hỗ trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác do tỉnh quản lý vào một đầu mối Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp huyện cần xem xét, cân đối sử dụng một phần nguồn vốn từ Quỹ vì người nghèo ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với các đối tượng chính sách khác.

- Tiếp tục tổ chức các cuộc vận động “*gửi tiết kiệm chung tay vì người nghèo*” sâu rộng đến các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân để bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội. Khuyến khích các tổ chức tài chính, các tổ chức kinh tế... gửi tiền vào Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh mở rộng huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân và xã hội.

## **4. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn**

- Tập trung chỉ đạo củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Nâng cao trách nhiệm chỉ đạo của chính quyền trong việc củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội; điều tra, rà soát, bổ sung đối tượng hộ

nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo làm cơ sở cho việc triển khai các chương trình tín dụng chính sách. Gắn tín dụng chính sách xã hội với phát triển nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới, phát triển giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững. Phối hợp giữa các hoạt động huấn luyện kỹ thuật, đào tạo nghề và chuyển giao công nghệ với hoạt động cho vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, giúp người vay sử dụng vốn có hiệu quả.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Chủ động tham mưu, đề xuất cấp ủy, chính quyền, Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp để chỉ đạo các ngành, đoàn thể phối hợp triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; thực hiện nghiêm các quy định của ngành trong thực hiện định mức kế hoạch, các quy trình nghiệp vụ cho vay, thu nợ, xử lý nợ và hạch toán kế toán; nâng cao hiệu quả phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội; chủ động thực hiện tốt việc huy động, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin chuyển đổi số trong điều hành, tác nghiệp; phát triển các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ đem lại tiện ích cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác; tăng cường hoạt động tại Điểm giao dịch xã, thực hiện công khai dân chủ tín dụng chính sách xã hội để mọi tầng lớp nhân dân biết và giám sát. Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách tín dụng ưu đãi đến các cấp, các ngành.

### **Phần thứ ba**

### **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đề nghị Quốc hội xem xét bổ sung vào Luật Ngân sách Nhà nước nhiệm vụ chi Ngân sách Trung ương và địa phương để bổ sung nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách để các Bộ, ngành, địa phương có căn cứ triển khai thực hiện.

2. Đề nghị Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ:

- Tiếp tục quan tâm chỉ đạo, thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW; chỉ đạo duy trì, triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình tổ chức, phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Hàng năm, cân đối bố trí đủ vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội giai đoạn 2021-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 05/QĐ-TTg, ngày 04/01/2023.

- Đề nghị bổ sung lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và cấp huyện tham gia Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp.

- Chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu, rà soát, đánh giá lại toàn bộ các chính sách giảm nghèo hiện hành, trên cơ sở đó xác định chính sách nào cần tiếp tục thực hiện, chính sách nào cần sửa đổi bổ sung và chính sách nào nên kết thúc theo




hướng gọn chính sách, gọn đầu mỗi quản lý chính sách. Tăng vốn tín dụng thay cấp phát, tập trung vốn tín dụng chính sách vào một đầu mỗi.

- Xem xét ban hành chính sách tín dụng cho vay tiêu dùng và chính sách tín dụng đối với hộ có mức sống trung bình tại xã xây dựng nông thôn mới. Nâng mức vay đối với các chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cho phù hợp với chi phí thực tế phát sinh.

**3.** Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thêm nhiệm vụ thực hiện các chương trình tín dụng chính sách cho Ngân hàng Chính sách xã hội cần bố trí nguồn lực tương ứng để thực hiện chương trình tín dụng chính sách.

**4.** Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội; mở rộng cuộc vận động vì người nghèo để huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân vào Quỹ vì người nghèo; hướng dẫn bổ sung nội dung chỉ từ Quỹ vì người nghèo của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các huyện, thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội; đồng thời, chuyển một phần nguồn lực từ Quỹ vì người nghèo ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Tiếp tục tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

**5.** Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn vốn để tỉnh Lâm Đồng cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, cho vay phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. 

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế Trung ương (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Vụ Kinh tế vùng và Địa phương, Ban Kinh tế TW,
- Vụ Địa phương II - Văn phòng TW,
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh,
- Đảng đoàn HĐND, BCS Đảng UBND tỉnh,
- Ngân hàng Chính sách xã hội,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các Thành ủy, Huyện ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT1.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
ỦY VIÊN**



**Nguyễn Trọng Ánh Đông**





**TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**PHỤ LỤC 1**

**Văn bản triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW**

STT	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Tên văn bản
01	4777-CV/TU	23/01/2015	Tỉnh ủy Lâm Đồng	Triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tín dụng chính sách xã hội
02	2470/KH-UBND	11/5/2016	Ủy ban nhân dân tỉnh	Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội
03	1614/UBND-TH	07/4/2015	Ủy ban nhân dân tỉnh	Bổ sung Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã vào Ban đại diện Hội Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện
04	2684/UBND-TH	21/5/2015	Ủy ban nhân dân tỉnh	Bố trí và chuyển nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác
05	3240/UBND-TH	12/6/2015	Ủy ban nhân dân tỉnh	Kinh phí trang bị xe ô tô phục vụ giao dịch tại xã cho Ngân hàng Chính sách xã hội
06	4899/UBND-VX	20/8/2015	Ủy ban nhân dân tỉnh	Bổ sung thành viên lãnh đạo Ngân hàng Chính sách xã hội vào Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững cùng cấp
07	5614/UBND-TH	22/9/2015	Ủy ban nhân dân tỉnh	Triển khai thực hiện đối chiếu nợ, phân tích nợ vay vốn tín dụng chính sách xã hội năm 2015
08	6201/UBND-TH	19/10/2015	Ủy ban nhân dân tỉnh	Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn
09	2469/BĐD-NHCSXH	11/5/2016	Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh	Tập huấn nghiệp vụ chính sách xã hội cho thành viên Ban đại diện Hội Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện
10	719/UBND-TH <sub>2</sub>	14/02/2017	Ủy ban nhân dân tỉnh	Tiếp tục thực hiện Quyết định số 401/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng
11	5122/UBND-TH <sub>2</sub>	08/8/2017	Ủy ban nhân dân tỉnh	Bố trí tăng kinh phí qua các năm để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
12	5913/UBND-TH <sub>2</sub>	07/9/2017	Ủy ban nhân dân tỉnh	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội





STT	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Tên văn bản
13	01/2018/QĐ-UBND	04/01/2018	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
14	1237/UBND-TH <sub>2</sub>	08/3/2018	Ủy ban nhân dân tỉnh	Tiếp tục thực hiện Quyết định số 401/QĐ-TTg ngày 14/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ
15	79/2018/NQ-HĐND	11/7/2018	Hội đồng nhân dân tỉnh	Quy định các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được vay vốn từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội
16	4650/UBND-TH <sub>2</sub>	26/7/2018	Ủy ban nhân dân tỉnh	Triển khai thực hiện đối chiếu nợ, phân loại nợ vay của khách hàng năm 2018
17	957-TB/TU	22/8/2019	Tỉnh ủy Lâm Đồng	Thông báo Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội
18	819/UBND – TH <sub>3</sub>	04/02/2021	Ủy ban nhân dân tỉnh	Xem xét bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Lâm Đồng
19	5789/UBND – TH <sub>3</sub>	13/8/2021	Ủy ban nhân dân tỉnh	Triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW ngày 16/6/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội
20	190/KH-UBND	11/01/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh	Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 16/6/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW
21	101/2022/NQ-HĐND	08/7/2022	Hội đồng nhân dân tỉnh	Quy định các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được vay vốn từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội
22	6732/UBND – TH <sub>3</sub>	04/8/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh	Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tín dụng chính sách xã hội





ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**PHỤ LỤC 2**  
**Tình hình nguồn vốn, sử dụng vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội**  
**giai đoạn 2014-2024**

Đơn vị: Triệu đồng, %

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2019				Năm 2024 (30/04/2024)					
			Tổng số	Tỷ trọng	Tăng/giảm so với năm 2014		Tổng số	Tỷ trọng	Tăng/giảm so với năm 2014		Tăng/giảm so với năm 2019	
					Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)			Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	NGUỒN VỐN	2.167.512	3.380.667	100,00	1.213.155	55,97	5.966.678	100,00	3.799.166	175,28	2.586.011	76,49
I	NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG	2.114.833	3.236.649	95,74	1.121.816	53,05	5.344.067	89,57	3.229.233	152,69	2.107.418	65,11
1	Nguồn vốn cân đối chuyển từ Trung ương	1.998.014	2.864.066	84,72	866.053	43,35	4.404.926	73,83	2.406.913	120,47	1.540.860	53,80
2	Nguồn vốn huy động tại địa phương được TW cấp bù lãi suất	116.820	372.583	11,02	255.763	218,94	939.141	15,74	822.321	703,92	566.558	152,06
	- Huy động của tổ chức, cá nhân	57.992	196.204	5,80	138.212	238,33	548.866	9,20	490.874	846,46	352.662	179,74
	- Nhận tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV	58.828	176.379	5,22	117.551	199,82	390.274	6,54	331.446	563,42	213.895	121,27
II	NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG ỦY THÁC CHO NHCSXH	52.679	144.018	4,26	91.339	173,39	622.611	10,43	569.932	1.081,90	478.593	332,32
B	SỬ DỤNG VỐN											
I	DOANH SỐ CHO VAY	5.057.288	9.832.322		4.775.033	94,42	16.363.698		11.306.410	223,57	6.531.376	66,43
II	DOANH SỐ THU NỢ	2.987.920	6.549.173		3.561.253	119,19	10.497.579		7.509.660	251,33	3.948.407	60,29
III	TỔNG DƯ NỢ	2.162.406	3.371.058	100,00	1.208.652	55,89	5.952.933	100,00	3.790.527	175,29	2.581.875	76,59
1	Dư nợ nguồn vốn Trung ương	2.109.923	3.229.167	95,79	1.119.244	53,05	5.349.810	89,87	3.239.887	153,55	2.120.643	65,67
2	Dư nợ nguồn vốn Địa phương	52.483	141.891	4,21	89.408	170,36	603.123	10,13	550.640	1.049,18	461.232	325,06
IV	TỔNG NỢ QUÁ HẠN VÀ NỢ KHOANH	14.549	10.076	0,30	-4.473	-30,74	8.403	0,14	-6.146	-42,24	-1.673	-16,60
1	Nợ quá hạn	8.473	6.441	0,19	-2.032	-23,98	3.399	0,06	-5.074	-59,88	-3.042	-47,23
2	Nợ khoanh	6.076	3.634	0,11	-2.442	-40,19	5.004	0,08	-1.072	-17,64	1.370	37,70





## PHỤ LỤC 3

Vốn ủy thác hỗ trợ các nguồn lực khác của địa phương cho Ngân hàng  
Chính sách xã hội giai đoạn 2014-2024

Đơn vị: triệu đồng/m<sup>2</sup>

STT	Năm	Vốn nhận ủy thác		Hỗ trợ các nguồn lực khác của địa phương cho NHCSXH				Tổng giá trị hỗ trợ	
		Số dư	Tăng so với năm trước	Trụ sở làm việc (nhà chuyển giao, chuyển nhượng, cấp đất; hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng trụ sở,...)		Tài sản (Ô tô, xe máy, máy vi tính, tài sản khác)			Hỗ trợ khác (giá trị)
				Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=6+8+9
1	Năm 2014	52.679	6.319					337	337
2	Năm 2015	58.795	6.116			3	990	286	1.276
3	Năm 2016	66.074	7.279	1.380	1.256	3	45	484	1.785
4	Năm 2017	78.431	12.357					11	11
5	Năm 2018	104.302	25.871					1	1
6	Năm 2019	144.019	39.717						
7	Năm 2020	195.775	51.756						
8	Năm 2021	271.825	76.050					1.009	1.009
9	Năm 2022	389.715	117.890						
10	Năm 2023	522.336	132.621						
11	Đến 30/4/2024	622.611	100.275						
Tổng cộng			576.251	1.380	1.256	6	1.035	2.129	4.420

**Ghi chú:** Cột số 9 (hỗ trợ khác) gồm:

- Cấp bù lãi suất cho hộ nghèo tại xã nghèo vay vốn sản xuất, người lao động đi làm việc ở nước ngoài vay vốn 730 triệu đồng (năm 2014: 337 triệu đồng; năm 2015: 286 triệu đồng; năm 2016: 94 triệu đồng; năm 2017: 11 triệu đồng; năm 2018: 1 triệu đồng).
- Mua cặp đựng hồ sơ vay vốn trang bị cho tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay vốn toàn tỉnh 880 triệu đồng (năm 2016: 390 triệu đồng; năm 2021: 490 triệu đồng).
- Giảm lãi cho hộ vay theo quyết định số 1990/QĐ-TTg là 519 triệu đồng (năm 2021).



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**PHỤ LỤC 4**

**Dư nợ cho vay theo đơn vị nhận ủy thác giai đoạn 2014-2024**

*Đơn vị: Tỷ đồng, %*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2019				Năm 2024 (Đến ngày 30/04/2024)					
		Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng	Tăng/giảm dư nợ so với năm 2014		Dư nợ	Tỷ trọng	Tăng/giảm dư nợ so với năm 2014		Tăng/giảm dư nợ so với năm 2019	
						Tuyệt đối	Tương đối (%)			Tuyệt đối	Tương đối (%)	Tuyệt đối	Tương đối (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Hội nông dân	766	35,55	1.086	32,27	320	41,78	1.840	30,95	1.074	140,21	754	69,43
2	Hội liên hiệp phụ nữ	915	42,46	1.265	37,59	350	38,25	2.153	36,22	1.238	135,30	888	70,20
3	Hội cựu chiến binh	284	13,18	533	15,84	249	87,68	989	16,64	705	248,24	456	85,55
4	Đoàn thanh niên	190	8,82	480	14,26	290	152,63	963	16,20	773	406,84	483	100,63
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.155</b>		<b>3.365</b>		<b>1.210</b>	<b>56,15</b>	<b>5.945</b>		<b>3.790</b>	<b>175,87</b>	<b>2.580</b>	<b>76,67</b>





TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

\*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**PHỤ LỤC 05**

**Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả từ nguồn vốn tín dụng chính sách từ khi có**

**Chỉ thị số 40-CT/TW**

*Đơn vị: tỷ đồng/hộ/hssv/công trình/căn nhà/lao động*

STT	Chỉ tiêu	Đến năm 2014	Năm 2019		Năm 2024 (Đến ngày 30/4/2024)			
			Tăng/giảm dư nợ so với năm 2014		Tăng/giảm dư nợ so với năm 2014		Tăng/giảm dư nợ so với năm 2019	
			Số tuyệt đối	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
1	Tổng doanh số cho vay	5.057	4.775	94,4	11.306	223,6	6.531	66,4
2	Tổng doanh số thu nợ	2.988	3.561	119,2	7.510	251,3	3.948	60,3
3	Số lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách được vay vốn từ NHCSXH	400.385	172.758	43,1	312.811	78,1	140.053	24,4
4	Số khách hàng còn dư nợ	101.475	-5.967	-5,9	-415	-0,4	5.552	5,8
5	Vốn tín dụng chính sách đã góp phần							
5.1	Số hộ vượt qua ngưỡng nghèo	36.469	14.556	39,9	23.778	65,2	9.222	18,1
5.2	Số HSSV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn đi học	56.584	7.019	12,4	12.145	21,5	5.126	8,1
5.3	Số lao động được tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm	41.831	9.515	22,7	39.340	94,0	29.825	58,1
5.4	Số lao động được đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	1.895	284	15,0	311	16,4	27	1,2
5.5	Số công trình nước sạch và vệ sinh môi trường được xây dựng	66.394	104.517	157,4	202.705	305,3	98.188	57,4
5.6	Số căn nhà cho hộ nghèo được xây dựng	4.785	1.151		1.823	-	672	11,3